

HƯỚNG DẪN TUYỂN SINH

TRƯỜNG NHẬT NGỮ YIC KYOTO



YIC Kyoto Nihongo Gakuin

27, Nishiaburanokoji—Cho, Shimogyo—ku, Kyoto, JAPAN

Mã bưu điện 600—8236

Số điện thoại: +81-75-371-9007 Số FAX: +81-75-343-3821

http: <http://www.yic-kyoto.ac.jp/japanese/>

E-mail: jp@yic-kyoto.ac.jp

Triết lý giáo dục của Tập đoàn

Ngoài giảng dạy kiến thức chuyên môn, chúng tôi hướng đến bồi dưỡng tinh thần, tâm hồn như một người làm việc chuyên nghiệp, bồi dưỡng nguồn nhân lực để góp phần phát triển và nâng cao xã hội trong khu vực.

Phương châm giáo dục: Rèn luyện và trau dồi

Khi chúng ta sống vui vẻ và cháy hết mình cho những đam mê, chúng ta sẽ trở thành những người xuất sắc nhờ sự rèn luyện bản thân thật nghiêm khắc. Và cho dù bạn có tài năng vượt trội như thế nào thì cũng không thể phát huy được tài năng vượt trội đó nếu như bạn không ngừng trau dồi bản thân. Chúng tôi hy vọng các bạn sẽ tin tưởng vào khả năng của bản thân, sẵn sàng chinh phục thử thách và hiện thực hóa khả năng đó. Nhà trường là nơi để các bạn tối luyện tinh thần và thể lực chính là phương châm ” rèn luyện và trau dồi” của chúng tôi.

1 Các khóa học

(1) Bản tóm tắt khóa học và thời gian

Khóa học	Số tiết học và cấp độ				Tổng thời gian học
	Sơ cấp	Sơ trung cấp	Trung cấp	Cao cấp	
Khóa 2 năm	400 giờ (20 tuần)	400 giờ (20 tuần)	400 giờ (20 tuần)	400 giờ (20 tuần)	1600 giờ (80 tuần)
Khóa 1 năm rưỡi	————	400 giờ (20 tuần)	400 giờ (20 tuần)	400 giờ (20 tuần)	1200 giờ (60 tuần)
Khóa 1 năm	————	————	400 giờ (20 tuần)	400 giờ (20 tuần)	800 giờ (40 tuần)

(2) Lộ trình học

Cấp độ	Mục tiêu đạt được	Hán tự và Từ vựng	Mục tiêu giáo dục
Sơ cấp	Tương đương JLPT N4	Hán tự : 300 Từ vựng: 2000	Có thể hiểu được tiếng Nhật căn bản. Có thể giao tiếp đơn giản, nắm được ngữ pháp cơ bản và các cú pháp dùng trong lớp học .
Sơ trung cấp	Tương đương JLPT N3	Hán tự: 600 Từ vựng: 3000	Có thể hiểu và sử dụng được tiếng Nhật thường ngày. Đọc và viết được các văn bản đơn giản. Có khả năng giao tiếp và hiểu được tiếng Nhật với tốc độ gần với mức bình thường.
Trung cấp	Tương đương JLPT N2	Hán Tự: 1000 Từ vựng: 6000	Có thể hiểu và sử dụng được tiếng Nhật với phạm vi rộng. Có thể đọc báo và hiểu được văn bản bình thường. Bài tỏ được ý kiến về nhiều vấn đề.
Cao cấp	Tương đương JLPT N1	Hán tự: 2000 Từ vựng: 10000	Có thể hiểu và sử dụng được tiếng Nhật với phạm vi rộng. Có thể hiểu được các văn bản nói về kinh tế, chính trị, pháp luật, các vấn đề mang tính quốc tế... Bàn luận và nói lên được quan điểm cá nhân.

(3) Thời khóa biểu

	Tiết 1	Tiết 2	Tiết 3	Tiết 4
Lớp sáng	9:00~9:45	9:55~10:35	10:45~11:30	11:35~12:20
Lớp chiều	13:00~13:45	13:50~14:35	14:45~15:30	15:35~16:20

(4) Kỳ thi đại học dành cho sinh viên quốc tế

① Môn tiếng Nhật

Mỗi năm hai lần, sẽ tổ chức luyện thi môn tiếng Nhật trước kỳ thi hai tháng, mỗi ngày hai tiết.

② Các môn thi ngoài tiếng Nhật

Mỗi năm hai lần (với những bạn có nguyện vọng), trường sẽ tổ chức luyện thi các môn toán, tổng hợp, khoa học tự nhiên (vật lý, hóa học, sinh vật) 1 ngày 2 tiết x 15 lần.

2 Nhà ở và Học bổng,

(1) Nhà ở

Trường sẽ giới thiệu và thuê cho học sinh chỗ ở an toàn và tiện lợi.

Tiền nhà: 35000 yên/tháng.

Tiền đầu vào: 100000 yên.

(Phí đầu vào gồm: tiền lễ, tiền cọc, phí giới thiệu, phí vệ sinh, tiền mua chăn nệm, gối, bảo hiểm cháy nổ).

Ngoài ra thì tủ lạnh, máy giặt, lò vi sóng, giường, rèm cửa, bàn ghế, điều hòa và các thiết bị chiếu sáng đã được lắp đặt sẵn trong phòng.

Phí đầu vào sẽ nộp cùng lúc với học phí, học sinh ở ký túc sẽ ở ít nhất 6 tháng.

(2) Học bổng

① Chế độ học bổng của YIC Kyoto

Thành tích hạng nhất	¥ 10,000~30,000	Trong số các du học sinh có tỷ lệ đến lớp 95% sẽ chọn ra những cá nhân có thành tích ưu tú đạt điểm A ở tất cả các môn.
Học bổng dành cho cá nhân đậu N1	¥30,000	Các cá nhân đã đậu N1 kỳ thi năng lực Nhật ngữ (chỉ được nhận 1 lần và áp dụng đối với học kỳ đang học)
Thưởng chuyên cần	¥5,000	Du học sinh có tỷ lệ đến lớp đạt 100%.

② Chế độ học bổng dành cho du học sinh

Đối với các sinh viên ưu tú đang học năm thứ 2: mỗi tháng sẽ được chu cấp 30.000 yên/ tháng, 1 năm sẽ là 360.000 yên. Trong số các sinh viên đang theo học trên 6 tháng sẽ chọn ra những cá nhân có thành tích xuất sắc và tỷ lệ đến lớp cao để tiến cử với cơ quan hỗ trợ sinh viên Nhật Bản.

(3) Quản lý sức khỏe

① Bảo hiểm y tế quốc gia

Khoảng 1.700 yen mỗi tháng đối với năm đầu tiên. Nếu bạn ở Nhật Bản hơn một năm trở lên thì bạn cần phải tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội.

② Kiểm tra y tế học đường

Kiểm tra y tế được tiến hành mỗi năm một lần cho tất cả học sinh vào tháng Tư

(4) Công việc bán thời gian

Nếu được Cục quản lý xuất nhập cảnh, cho phép sinh viên quốc tế có thể làm thêm trong giới hạn quy định 28 giờ một tuần, kỳ nghỉ dài 40 tiếng một tuần.

※ 2 tháng đầu tiên sau nhập học, do chưa quen với môi trường mới nên nhà trường không khuyến khích đi làm thêm.

3 Điều kiện nộp đơn

(1) Các cá nhân đã học hết 12 năm phổ thông hoặc có chứng chỉ học lực tương đương 12 năm Phổ thông.

(2) Các cá nhân được phép nhập cảnh Nhật Bản hợp pháp hoặc có khả năng nhập cảnh hợp pháp.

(3) Các cá nhân có trình độ năng lực tiếng Nhật tương đương N5 trở lên.

(4) Các cá nhân có người bảo lãnh và có khả năng chi trả học phí và phí sinh hoạt

4. Thời hạn và cách thức nộp hồ sơ

(1) Thời hạn nộp hồ sơ

<Khóa học 2 năm / Khóa học 1 năm> Từ 01/09 đến 20/11

<Khóa học 1,5 năm > Từ 01/03 đến 20/05

(2) Cách thức nộp hồ sơ: Nộp hồ sơ đến địa chỉ của trường hoặc cơ quan giới thiệu du học.

5. Phí đăng ký

Lệ phí xét tuyển 30.000 yên

(1) Vui lòng thanh toán lệ phí đúng thời hạn vào các tài khoản đã được chỉ định của trường.

(2) Tên của người chuyển khoản là ghi tên của thí sinh dự tuyển.

(3) Phí chuyển khoản ngân hàng thí sinh sẽ tự thanh toán.

※ Lệ phí xét tuyển sẽ không được hoàn trả lại cho dù thí sinh có đậu hay không đậu kỳ xét tuyển này.

6. Hình thức tuyển chọn

(1) Xét tuyển hồ sơ.

(2) Phòng vấn thí sinh và người bảo lãnh.

※ Ngày phỏng vấn sẽ được thông báo riêng cho cơ quan giới thiệu du học hoặc thí sinh.

7. Thông báo kết quả thi

Kết quả xét tuyển sẽ được thông báo cho cơ quan giới thiệu hoặc thí sinh. Việc gọi điện thoại để hỏi về kết quả xét tuyển là không thể. Trường hợp trúng tuyển thì trường sẽ làm việc với Cục quản lý xuất nhập cảnh Nhật Bản để xin giấy phép lưu trú cho thí sinh. Việc xin giấy phép này thường mất khoảng 3 tháng.

8. Thủ tục nhập học

Sau khi Cục quản lý nhập cảnh thẩm tra xong kết quả, trường sẽ trực tiếp liên lạc với thí sinh hoặc thông qua cơ quan giới thiệu. Tiếp theo trong khoảng thời gian chỉ định thí sinh phải nộp học phí 1 năm là 810.000 yên.

Sau khi xác nhận nộp đủ học phí cho 1 năm thì trường sẽ gửi Giấy phép lưu trú và Giấy phép nhập học cho thí sinh hoặc cơ quan giới thiệu.

(1) Học phí

[Đơn vị: yên]

Mục	Khóa học					
	Đăng ký vào tháng 4	Đăng ký vào tháng 10		Đăng ký vào tháng 4		
		Khóa học 1 năm	Khóa học 1 năm rưỡi		Khóa học 2 năm	
			Năm đầu tiên	Năm thứ hai	Năm đầu tiên	Năm thứ hai
Lệ phí nhập học	50,000	50,000	-----	50,000	-----	
Học phí	600,000	600,000	300,000	600,000	600,000	
Cơ sở vật chất	20,000	20,000	10,000	20,000	20,000	
Chi phí khác	140,000	140,000	70,000	140,000	140,000	
Tổng	810,000	810,000	380,000	810,000	760,000	
Tổng tiền của các khóa học	810,000	1,190,000		1,570,000		

※ Ngoài các chi phí trên, phí tuyển chọn là 30.000 yên.

- ※ Chi phí khác: tài liệu, hoạt động ngoại khóa, lệ phí gia hạn visa, kiểm tra trình độ thông thạo tiếng Nhật, phí thi EJU, bảo hiểm y tế quốc gia, bảo hiểm tai nạn, khám sức khỏe, vv. Đây là những chi phí cần thiết trong thời gian học tập tại Nhật Bản. Lệ phí này sẽ nộp vào đầu năm học và thống kê lại chi phí vào cuối năm học.
- ※ Trường hợp làm thủ tục đúng quy trình mà không xin được Visa thì trường sẽ trả lại toàn bộ tiền học phí đã đóng.
- ※ Trước khi đến Nhật mà vì lý do cá nhân thí sinh không đi nữa thì trường sẽ trả lại tiền học phí, ngoại trừ tiền nhập học.
- ※ Sau khi đến Nhật mà vì lý do cá nhân thí sinh nghỉ học giữa chừng thì trường sẽ không trả lại tiền học phí.
- ※ Trường hợp đăng ký khóa học 2 năm thì học phí của năm thứ 2 có thể chia làm 2 lần đóng vào ngày 21 tháng 03 (học kỳ đầu) và ngày 20 tháng 09 (học kỳ sau).
- ※ Trường hợp đăng ký khóa học 1 năm rưỡi thì học phí của năm thứ 2 sẽ phải thanh toán vào ngày 20 tháng 09.

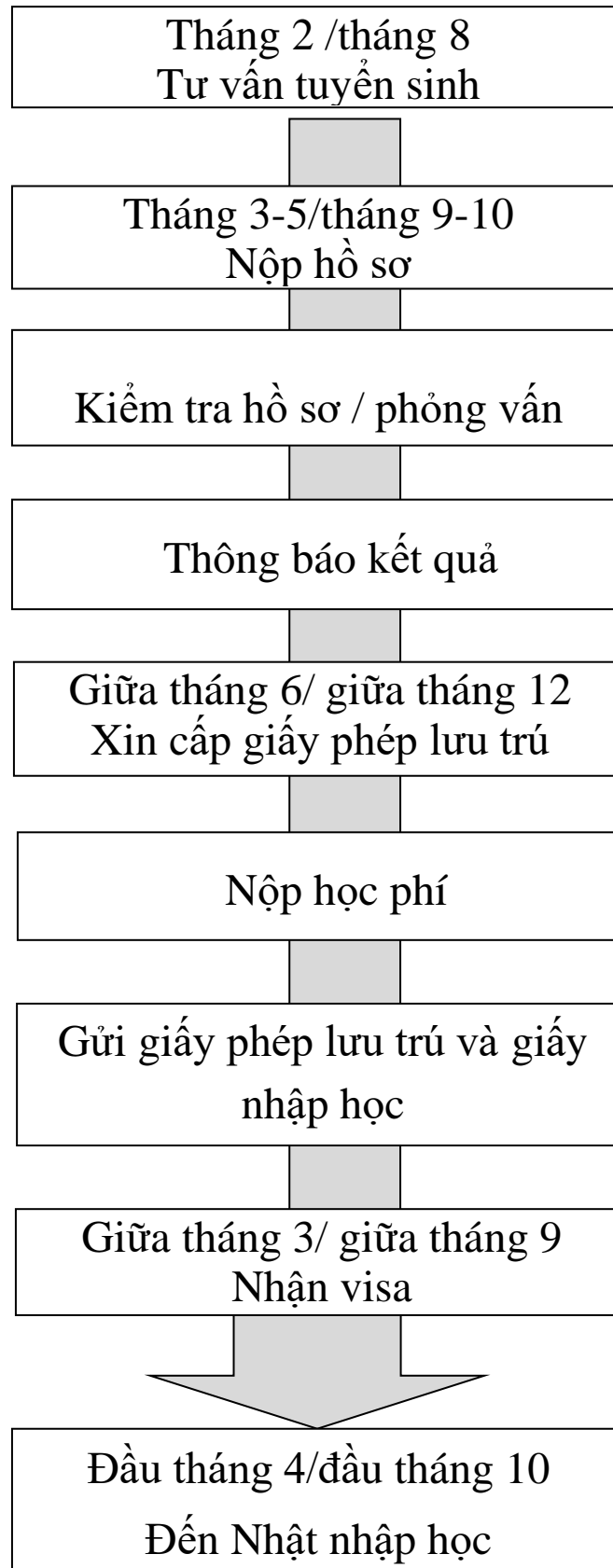
(2) Chuyển tiền

Tên ngân hàng	THE KYOTO CHUO SHINKIN BANK
Chi nhánh	EKIMAE BRANCH
SWIFT CODE	KCHUJPJY
Địa chỉ ngân hàng	734, HIGASHI—SHIOKOJI—CHO, KARASUMADORI—SHICHIJOSAGARU, SHIMOGYO—KU, KYOTO—CITY
Số chi nhánh	035
Số tài khoản	1073711
Người nhận	GAKKOHOJIN—KYOTOCHUOGAKUIN
Địa chỉ người nhận	MÃ BƯU ĐIỆN:600-8216 SỐ ĐIỆN THOẠI: 075-361-2181 27, NISHIABURANOKOJI—CHO,SHIMOGYO—KU, KYOTO—CITY

9 Xin Visa

Khi xin Visa thì tự bản thân thí sinh mang giấy nhập học, giấy phép lưu trú đến trực tiếp Đại sứ quán hoặc Lãnh sự quán Nhật Bản tại nước sở tại để xin.

Trình tự từ khi nộp hồ sơ đến khi nhập học



10. Các giấy tờ cần nộp

Các loại giấy tờ		Lưu ý
Hồ sơ và giấy tờ liên quan của người nộp đơn	1. Đơn nhập học	Theo mẫu quy định số ① Điền hồ sơ và ký tên
	2. Chứng nhận tốt nghiệp của trường sau cùng	Chứng chỉ tốt nghiệp bản gốc hoặc bằng tốt nghiệp bản gốc. ※ Trường hợp đã tốt nghiệp Đại học trở lên thì cũng nộp bằng cấp 3. ※ Bằng tốt nghiệp sau khi Cục xuất nhập cảnh Nhật Bản kiểm tra xong sẽ trả lại cho thí sinh.
	3. Học bạ ở trường sau cùng	
	4. Giấy chứng nhận quá trình học và năng lực tiếng Nhật	Cần nộp các chứng từ sau: 1) Bản gốc giấy chứng nhận đã hoàn thành tiếng Nhật từ 150 giờ trở lên. 2) Chứng chỉ hoặc giấy chứng nhận thành tích của các kỳ thi năng lực Nhật ngữ (JLPT), kỳ thi du học sinh (EJU), J-Test, NAT-Test, GNK. ※ Nếu chưa có giấy chứng nhận thì có thể nộp bản sao giấy dự thi.
	5. Ảnh 3x4	Ảnh thẻ được chụp trong vòng 3 tháng ; mặt sau ảnh ghi tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch.
	6. Bản sao chứng minh nhân dân	
	7. Bản sao hộ chiếu (passport)	Đối với các cá nhân đã đến Nhật thì cần thêm bản photo Visa và dấu nhập cảnh.
	8. Giấy khai sinh	
	9. Giấy chứng nhận nghề nghiệp hiện tại.	Bản gốc giấy chứng nhận nghề nghiệp hoặc giấy chứng nhận kinh doanh.
Các giấy tờ liên quan đến người bảo lãnh	10. Bản cam kết	Điền theo mẫu quy định số ②.
	11. Bản giải trình chi trả chi phí	Điền theo mẫu quy định số ③ do người bảo lãnh viết.
	12. Giấy chứng nhận số dư trong tài khoản ngân hàng	Số dư trong tài khoản ngân hàng hoặc giấy tờ chứng minh tài sản.
	13. Bản sao sổ ngân hàng	Bản sao không quá 3 tháng hoặc giấy chứng nhận tài sản Trường hợp người bảo lãnh sinh sống tại Nhật thì không cần các giấy tờ trên.
	14. Giấy chứng nhận nghề nghiệp	Nộp 1 trong 3 giấy tờ dưới đây: 1) Bản gốc giấy chứng nhận nơi làm việc. Giấy phép kinh doanh và mã số thuế. 2) Bản gốc chứng nhận kinh doanh của người đại diện công ty đang làm việc. 3) Bản gốc giấy đăng ký kinh doanh (nếu là chủ doanh nghiệp).
	15. Giấy chứng nhận thu nhập và thuế đã nộp 16. Giấy chứng minh mối quan hệ thí sinh và người bảo lãnh	Bản gốc thu nhập và thuế đã nộp trong vòng 3 năm. Bản sao giấy xác nhận thuế đã nộp. Trong trường hợp được miễn thuế phải có giấy tờ chứng minh. Bản sao sổ hộ khẩu.

17. Thẻ thường trú	Hoặc giấy chứng nhận cư trú cho người nước ngoài. (Trường hợp người bảo lãnh đang sinh sống tại Nhật).
18. Bản sao giấy chứng minh nhân dân	
19. Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu	(Trường hợp người bảo lãnh đang sinh sống tại Nhật).

Lưu ý:

- Dùng bút bi màu đen để viết các mẫu đơn.
- Người nộp đơn tự viết và ký tên (không được nhờ người viết hộ).
- Các giấy tờ bằng tiếng nước ngoài cần phải kèm theo bản dịch tiếng nhật có công chứng.
- Tất cả giấy tờ sẽ được nộp về cục xuất nhập cảnh Osaka, trong vòng 3 tháng trước thời gian hết hạn nộp hồ sơ là tháng giữa tháng 6 hoặc giữa tháng 12.
- Người quốc tịch Việt Nam: Tất cả các giấy tờ điều công chứng tại ủy ban nhân dân nơi mình sinh sống.